TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 01/2022/DSST
Ngày 24-01-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Huy;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 12 năm 2021 và ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 927/2021/QĐSTXX-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 980/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 1904/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Bùi Thế H, trú tại: Khu N, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Anh Phạm Văn L, trú tại: Số nhà 05/43 khu T, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

2. Chị Trần Thị Tuyết M, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu V, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Số nhà 05/43 khu T, thị trấn A, huyện A,

thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Bùi Thế H trình bày: Ngày 03 tháng 5 năm 2020, anh H có cho vợ chồng anh Phạm Văn L và chị Trần Thị Tuyết M vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), hai bên có viết giấy vay tiền trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ chữ ký, mục đích anh L chị M vay tiền của anh để làm vốn kinh doanh, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký giấy vay tiền (từ ngày 03 tháng 5 năm 2020 đến ngày 03 tháng 5 năm 2021), lãi suất được hai bên thỏa thuận là 0% tính từ ngày nhận tiền. Khi đến hạn trả nợ, anh L và chị M không trả số tiền vay nêu trên thì khoản vay sẽ được tính lãi suất theo mức lãi suất cao nhất so với quy định của Ngân hàng Nhà nước. Anh L chị M đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng. Do anh H có mối quan hệ quen biết từ trước với anh L, chị M nên anh H không yêu cầu anh L, chị M thế chấp tài sản bảo đảm. Trong thời gian anh H cho anh L, chị M vay tiền, có một số tháng anh L có gửi tiền bằng hình thức chuyển khoản từ số tài khoản của anh L vào số tài khoản của anh H được mở tại Ngân hàng Viettinbank một số tiền nhưng anh H không nhớ số lần gửi tiền và số tiền cụ thể là bao nhiêu. Anh L có nói do anh H cho vợ chồng anh L, chị M vay tiền không có lãi suất, anh L làm ăn được nên gửi cho anh chút quà cảm ơn, không phải là tiền anh L, chị M trả tiền lãi hàng tháng cho anh H. Do quá thời hạn trả nợ, anh H đã nhiều lần đôn đốc nhưng anh L, chị M không trả nợ nên anh H đề nghị Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng giải quyết buộc anh L, chị M phải trả anh 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và yêu cầu anh L, chị M phải trả số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất cao nhất so với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với khoản vay trên kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2021 đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn anh Phạm Văn L và chị Trần Thị Tuyết M thống nhất trình bày: Ngày 03 tháng 5 năm 2020, anh chị có vay anh Bùi Thế H số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), hai bên có viết giấy vay tiền, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2020 đến ngày 03 tháng 5 năm 2021 là thời hạn thanh toán số tiền vay nợ. Anh L, chị M đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng của anh H. Trong giấy vay tiền hai bên thỏa thuận với nhau lãi suất là 0% nhưng thực tế anh H yêu cầu vợ chồng anh chị trả số tiền lãi là 6.000.000 đồng/tháng. Ngày 03 tháng 5 năm 2020 khi anh L, chị M nhận tiền anh H cho vay 100.000.000 đồng thì bị trừ 6.000.000 đồng tiền lãi của tháng 5 năm 2020, thực tế chỉ nhận được 94.000.000 đồng. Sau đó anh L, chị M trả tiền lãi hàng tháng cho anh H bằng hình thức chuyển khoản từ số tài khoản của anh L chuyển vào số tài khoản của anh H. Anh L đã chuyển số tiền lãi trả anh H được 06 tháng mỗi tháng 6.000.000 đồng, cụ thể: Tháng 6, 7, 8, 9, 11, 12 năm 2020, số tiền lãi tháng 7 năm 2020 anh L chuyển trả

anh H qua dịch vụ Viettel. Do anh L, chị M không chứng minh được số tiền lãi đã trả anh H tháng 5 năm 2020 và tháng 7 năm 2020 nên anh chị thống nhất đã trả anh H 05 tháng tiền lãi vào các ngày 02 tháng 6 năm 2020, ngày 03 tháng 8 năm 2020, ngày 03 tháng 9 năm 2020, ngày 02 tháng 10 năm 2020 và ngày 11 tháng 12 năm 2020 từ tài khoản số 0901000086692 mang tên Phạm Văn L được mở tại Ngân hàng Vietcombank chuyển vào số tài khoản 05003776259 mang tên Bùi Thế H mở tại Ngân hàng Viettinbank. Do điều kiện kinh tế của anh chị gặp khó khăn, anh L đi làm trong tỉnh Tiền Giang từ đầu năm 2021 nhưng do dịch bệnh covid-19 không có việc làm, không có thu nhập, chị M ở nhà nuôi con nhỏ nên không trả thêm cho anh H bất kỳ khoản tiền nào. Nay anh H khởi kiện đề nghị tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh chị phải trả anh H số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng. Anh L, chị M nhất trí trả nợ cho anh H, tuy nhiên anh chị đề nghị Tòa án xem xét số tiền anh L đã chuyển khoản trả cho anh H là: 05 tháng x 6.000.000đ = 30.000.000 đồng tính trừ vào số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng mà vợ chồng anh chị nợ anh H vì thực tế trong giấy vay tiền thỏa thuận lãi suất là 0%. Như vậy anh L, chị M còn nợ anh H số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng. Anh L, chị M đề nghị được trả dần anh H mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ gốc. Đối với số tiền lãi phát sinh từ số tiền nợ gốc anh L, chị M đồng ý trả theo mức lãi suất cao nhất so với quy định của Ngân hàng Nhà nước theo yêu cầu của anh H tính từ ngày 03 tháng 5 năm 2021 đến khi thanh toán xong khoản nợ. Việc anh H trình bày anh L có gửi tiền bằng hình thức chuyển vào số tài khoản của anh H một số tiền, một số tháng là tiền quà biếu là không đúng và anh L xác nhận chưa từng hứa hẹn cho quà hay tiền cho anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như diễn biến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các điều 116, 117, 118, 119, 385, 398, 401, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Thế H. Buộc anh Phạm Văn L và chị Trần Thị Tuyết M phải trả cho anh Bùi Thế H số tiền nợ gốc là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) và số tiền lãi suất trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính từ ngày 03 tháng 5 năm 2021 theo mức cao nhất

do Ngân hàng Nhà nước quy định. Về án phí: Anh Bùi Thế H phải chịu án dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được tòa án chấp nhận. Anh Phạm Văn L và chị Trần Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn là anh Phạm Văn L và chị Trần Thị Tuyết M cùng địa chỉ: Số nhà 5/43 khu T, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2] Xét Hợp đồng vay tài sản là tiền: Giữa anh Bùi Thế H và anh Phạm Văn L, chị Trần Thị Tuyết M có ký kết Hợp đồng vay tài sản (giấy vay tiền) ngày 03 tháng 5 năm 2020, theo đó anh H đã cho anh Phạm Văn L và chị Trần Thị Tuyết M vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Xét thấy giữa anh Bùi Thế H và anh Phạm Văn L, chị Trần Thị Tuyết M cùng thống nhất, thỏa thuận ký kết hợp đồng bởi những người có năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng các bên tự nguyện, không bị ép buộc, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật và trái đạo đức xã hội. Do vậy hợp đồng vay tài sản là tiền ở trên là hợp pháp và là căn cứ pháp lý buộc các bên phải thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng anh Phạm Văn L và chị Trần Thị Tuyết M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh Bùi Thế H đã khởi kiện ra tòa án là có căn cứ.

[3] Đối với khoản nợ gốc: Căn cứ giấy vay tiền ngày 03 tháng 5 năm 2020, anh Bùi Thế H đã giao đủ cho Anh Phạm Văn L và chị Trần Thị Tuyết M vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Anh H yêu cầu anh L và chị M phải trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và lãi suất phát sinh của số tiền nợ gốc từ ngày 03 tháng 5 năm 2021 cho đến khi anh L, chị M thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất cao nhất so với quy định của Ngân hàng Nhà nước. Anh L, chị M thừa nhận ngày 03 tháng 5 năm 2020 có vay của anh H số tiền là 100.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng vay tiền, lãi suất ghi trong hợp đồng là 0% tính từ ngày nhận tiền nhưng thực tế anh L, chị M phải trả cho anh H mỗi tháng với số tiền lãi là 6.000.000 đồng, số tiền do anh L chuyển từ tài khoản số 0901000086692 mang tên Phạm Văn L được mở tại Ngân hàng Vietcombank chuyển vào tài khoản số 105003776259 của anh Bùi Thế H được mở tại Ngân hàng Viettinbank và anh L đã

chuyển trả được 05 tháng là: Tháng 6, tháng 8, tháng 9, tháng 10 và tháng 12 năm 2020, tổng cộng 05 tháng x 6.000.000đ = 30.000.000 đồng, sau đó do kinh tế gặp khó khăn nên anh L chị M không trả thêm anh H được bất kỳ khoản tiền nào khác. Anh H thừa nhận cho vợ chồng anh L, chị M vay tiền với lãi suất là 0%, số tiền anh L chuyển vào số tài khoản của anh H tại Ngân hàng Viettinbank một số tiền, một số tháng, cụ thể tháng nào thì anh H không nhớ mà theo anh H đây là số tiền do anh L làm ăn được gửi quà cho anh H, không phải là tiền lãi suất anh L, chị M trả anh là không có căn cứ. Do đó xác định số tiền anh L chuyển từ số tài khoản mang tên Phạm Văn L vào số tài khoản mang tên Bùi Thế H 05 tháng trên là tiền anh L, chị M trả vào số tiền nợ gốc đã vay của anh H. Như vậy tính đến ngày 03 tháng 5 năm 2021 anh L, chị M còn nợ anh H số tiền nợ gốc là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với khoản tiền lãi: Theo nội dung giấy vay tiền ngày 03 tháng 5 năm 2020 quy định về mức lãi suất phát sinh từ khoản tiền gốc: Hết hạn 12 tháng kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2021, anh L, chị M chưa trả số tiền nợ gốc cho anh H thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất so với quy định của Ngân hàng Nhà nước. Đây là thỏa thuận giữa anh H và vợ chồng anh L, chị M đã được ghi trong hợp đồng là tự nguyện cần được chấp nhận. Căn cứ vào Công văn số 87/HAP-TTGS ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chi nhánh Hải Phòng quy định về mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố từ ngày 03 tháng 5 năm 2021 đến nay (ngày 20 tháng 01 năm 2022) mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 09%/năm (theo Quyết định số 2868/QĐ/NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010). Như vậy anh L, chị M phải trả tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng cho vay đã thỏa thuận của số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng, tính từ ngày 03 tháng 5 năm 2021 đến thời điểm xét xử (ngày 24 tháng 01 năm 2022) là: 08 tháng 20 ngày x 70.000.000đ x 0,75%/tháng = 4.550.000đ (bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Thế H được chấp nhận một phần nên anh Bùi Thế H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được tòa án chấp nhận là 30.000.000đ x 5% = 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Bị đơn anh Phạm Văn L và chị Trần Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được tòa án chấp nhận là: 74.550.000đ x 5% = 3.727.500đ (ba triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng) làm tròn số là 3.727.000đ (ba triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 401, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Thế H.

Buộc anh Phạm Văn L và chị Trần Thị Tuyết M phải trả cho anh Bùi Thế H tổng số tiền là 74.550.000 đồng (bảy mươi tư triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó số tiền nợ gốc là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh là 4.550.000đ (bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Phạm Văn L và chị Trần Thị Tuyết M còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa trả cho đến khi thanh toán hết nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày ban hành án sơ thẩm theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Giấy vay tiền ngày 03 tháng 5 năm 2020.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

2. Về án phí:

Anh Phạm Văn L và chị Trần Thị Tuyết M phải chịu 3.727.000đ (ba triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Bùi Thế H phải chịu 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Bùi Thế H đã nộp là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0019290 ngày 08 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, Hải Phòng. Trả lại anh Bùi Thế H số tiền chênh lệch là 1.000.000đ (một triệu đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Huy - Nguyễn Văn Thắng **Trần Thị Nhạn**